

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận Điều lệ Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Xét đề nghị của Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ tỉnh tại Tờ trình số 07/TTr-CTĐĐNa ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc công nhận Điều lệ Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3808/TTr-SNV ngày 11 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Điều lệ Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (VX);
- Chánh, PCVP UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp



ĐIỀU LỆ

QUỸ BẢO TRỢ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM TỈNH ĐỒNG NAI

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3356 /QĐ-UBND ngày 16/9/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, địa chỉ

1. Tên gọi

- a) Tên tiếng Việt: Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh Đồng Nai.
- b) Tên giao dịch quốc tế: Dong Nai Agent Orange Victims Fund.

2. Địa chỉ

- a) Trụ sở của Quỹ: Số 03, Hoàng Minh Châu, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (trụ sở Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai).
- b) Số điện thoại: (0251) 3941 350.
- c) Email: ctddongnai1976@gmail.com.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam thuộc Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ xã hội, từ thiện hoạt động không vì lợi nhuận, theo nguyên tắc tự nguyện, nhằm huy động mọi nguồn viện trợ nhân đạo trong và ngoài nước, nhằm mục đích hỗ trợ từ thiện, nhân đạo và các mục đích phát triển cộng đồng.

2. Quỹ được hình thành từ nguồn vốn đóng góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam và người khuyết tật, tạo điều kiện cho họ khắc phục khó khăn vươn lên trong cuộc sống, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc:

- a) Không lợi nhuận.
- b) Tự nguyện, tự chủ, tự trang trải kinh phí và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của Quỹ.
- c) Công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động và thu, chi tài chính, tài sản của Quỹ.
- d) Tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ được UBND tỉnh công nhận, chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về lĩnh vực Quỹ hoạt động.
- e) Không phân chia tài sản của Quỹ trong quá trình quỹ đang hoạt động.

2. Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh Đồng Nai.
3. Quỹ được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sáng lập viên của Quỹ

Hội Chữ thập đỏ tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập tại Quyết định số 102/QĐ.UBND ngày 22/04/1976.

Trụ sở: Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai - Số 03, đường Hoàng Minh Châu, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Sử dụng nguồn vốn của Quỹ để hỗ trợ, tài trợ cho các đối tượng, các chương trình, dự án phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.
2. Tiếp nhận và quản lý tài sản được tài trợ, viện trợ theo ủy quyền từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy quyền phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.
3. Tiếp nhận tài sản từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, hiến, tặng hoặc bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn của Quỹ.

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Quỹ

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ quỹ đã được công nhận và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Vận động, quyên góp tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận tài sản do các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước tài trợ, hiến tặng hoặc bằng các hình thức khác theo đúng tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.
3. Thực hiện sự tài trợ đúng theo sự ủy quyền của cá nhân, tổ chức đã ủy quyền và tôn chỉ, mục đích của Quỹ.
4. Lưu trữ và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, các chứng từ tài liệu về tài sản của Quỹ, nghị quyết, biên bản về các hoạt động của Quỹ cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
5. Sử dụng tài sản, tài chính tiết kiệm và hiệu quả theo đúng tôn chỉ, mục đích của Quỹ.
6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân tài trợ và cộng đồng theo quy định của pháp luật. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Quỹ và báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
7. Hàng năm Quỹ phải được báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và tài chính với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và thực hiện công khai các khoản đóng góp của Quỹ trước ngày 31/3 năm sau.
8. Phối hợp với địa phương, tổ chức, cá nhân cần sự trợ giúp để xây dựng kế hoạch tài trợ theo đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Quỹ.
9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 7. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Ban Kiểm soát Quỹ.
3. Bộ phận chuyên môn giúp việc.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan quản lý của Quỹ, nhân danh Quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có từ 05 đến 08 thành viên do sáng lập viên đề cử, trường hợp không có đề cử của sáng lập viên thành lập Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ trước bầu ra Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ tiếp theo và được Chủ tịch UBND tỉnh có quyết định công nhận. Nhiệm kỳ Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm, Hội đồng quản lý Quỹ gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

- a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - b) Quyết định các giải pháp phát triển Quỹ, vận động nguồn Quỹ;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, quyết định thành lập Ban kiểm soát Quỹ, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc quỹ hoặc ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Quỹ trong trường hợp Giám đốc Quỹ là người do Quỹ thuê, Quyết định người phụ trách công tác kế toán và người quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - d) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, người phụ trách kế toán Quỹ và người làm việc tại Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng tài sản, tài chính Quỹ;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - h) Quyết định thành lập pháp nhân trực thuộc Quỹ theo quy định của Pháp luật;
 - i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
 - k) Quyết định giải thể hoặc đề xuất những thay đổi về giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - l) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể và biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là công dân Việt Nam được Hội đồng quản lý Quỹ bầu và là người đại diện theo pháp luật của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

- a) Chuẩn bị các chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;
- b) Chuẩn bị các chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;
- c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;
- d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;
- e) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;
- g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bầu lại.

4. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 10. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bầu và có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ điều hành các hoạt động của Quỹ theo sự phân công của Hội đồng quản lý Quỹ và thực hiện nhiệm vụ theo sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm nhiệm.

2. Giám đốc Quỹ là người điều hành công việc hàng ngày của Quỹ, chịu sự giám sát của Hội đồng quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại.

3. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ, chấp hành các định mức chi tiêu của Quỹ theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật;
- b) Ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm điều hành của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình;
- c) Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản;

e) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ và các bộ phận chuyên môn;

g) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 12. Phụ trách kế toán của Quỹ

1. Người phụ trách kế toán của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, hoặc bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế phụ trách kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Người được giao phụ trách kế toán của Quỹ có trách nhiệm giúp Giám đốc Quỹ tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Không được bổ nhiệm người phụ trách kế toán của Quỹ thuộc trường hợp những người không được làm kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

4. Người phụ trách kế toán chịu trách nhiệm quyết toán khi thực hiện sát nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể Quỹ hoặc chuyển công tác khác.

Điều 13. Phụ trách Thủ quỹ của Quỹ

1. Người phụ trách Thủ quỹ của Quỹ do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm.

2. Người được giao phụ trách Thủ quỹ có trách nhiệm giúp Giám đốc Quỹ quản lý tiền của Quỹ (kể cả tiền mặt ở kết tại văn phòng và tiền gửi ngân hàng).

Điều 14. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, gồm Trưởng Ban, Phó trưởng Ban và ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động độc lập và có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo điều lệ và các quy định của pháp luật;

b) Giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân gửi đến Quỹ;

c) Báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình tài chính của Quỹ.

Chương IV

VẬN ĐỘNG QUYÊN GÓP, TIẾP NHẬN TÀI TRỢ, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

Điều 15. Vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Quỹ được vận động quyên góp, vận động tài trợ trong nước và nước ngoài nhằm thực hiện mục đích hoạt động theo quy định của Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản vận động quyên góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho Quỹ phải được nộp ngay vào Quỹ đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để công chúng và nhà tài trợ có điều kiện kiểm tra, giám sát.

3. Việc tổ chức vận động đóng góp hỗ trợ khắc phục khó khăn được thực hiện thường xuyên và đột xuất, nhằm giúp đỡ cho nạn nhân chất độc da cam ổn định đời sống và có điều kiện phát triển kinh tế gia đình.

Điều 16. Nguyên tắc vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Việc vận động quyên góp, vận động tiền, hiện vật, công sức của cá nhân, tổ chức phải trên cơ sở tự nguyện với lòng hảo tâm, Quỹ không tự đặt ra mức huy động đóng góp tối thiểu để buộc cá nhân, tổ chức thực hiện.

2. Việc quyên góp, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền, hiện vật từ cá nhân, tổ chức đóng góp cho Quỹ phải công khai, minh bạch và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ phải công khai, minh bạch, bao gồm: Mục đích vận động quyên góp, tài trợ; kết quả vận động quyên góp, tài trợ; việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Hình thức công khai bao gồm:

a) Niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận quyên góp, tài trợ và nơi nhận cứu trợ, trợ giúp;

b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Đối tượng, điều kiện nhận hỗ trợ, tài trợ

a) Đối tượng: là những người bị nhiễm chất độc da cam có hoàn cảnh khó khăn trong tỉnh.

b) Điều kiện được nhận hỗ trợ, tài trợ: do UBND xã/phường/thị trấn nơi có nạn nhân xét chọn lập danh sách và được thông báo công khai cho nhân dân biết.

Chương V

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 18. Nguồn thu của Quỹ

1. Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thu từ lãi ngân hàng.

3. Thu từ các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 19. Sử dụng Quỹ

1. Chi giúp đỡ cho các đối tượng được nêu tại Điều 17 của Điều lệ Quỹ.

2. Tài trợ theo sự ủy nhiệm của cá nhân, tổ chức để thực hiện các dự án tài trợ có địa chỉ theo quy định của pháp luật. Tài trợ cho tổ chức, cá nhân phù hợp với mục đích của Quỹ.

3. Việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ từ tổ chức Phi Chính phủ nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài và các văn bản liên quan.

4. Chi thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng hoặc các nhiệm vụ khác do cơ quan Nhà nước giao.

5. Chi cho hoạt động quản lý Quỹ.

Điều 20. Chi cho hoạt động quản lý Quỹ

1. Nội dung chi hoạt động quản lý Quỹ bao gồm:

- a) Chi tiền lương và các khoản phụ cấp cho bộ máy quản lý Quỹ;
- b) Chi bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp theo quy định;
- c) Chi mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ;
- d) Chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ hoạt động Quỹ;
- e) Chi các khoản công tác phí phát sinh khi đi làm các nhiệm vụ vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng đến các nạn nhân;
- g) Chi cho các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ chung trong quá trình vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng đến các nạn nhân (tiền thuê kho, bến bãi, chi phí đóng thùng, vận chuyển hàng hoá, chi phí chuyển tiền, chi phí liên quan đến phân bổ tiền, hàng đến nạn nhân);
- h) Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Định mức chi hoạt động quản lý Quỹ:

- a) Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, tối đa không quá 5% (năm phần trăm) tổng thu hàng năm của Quỹ (không bao gồm các khoản: Tài trợ bằng hiện vật, tài trợ của Nhà nước để thực hiện các dịch vụ công);
- b) Trường hợp nhu cầu chi thực tế hoạt động quản lý Quỹ vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng thu hàng năm của Quỹ thì Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức chi nhưng tối đa không vượt quá 10% tổng thu hàng năm của Quỹ;
- c) Trường hợp chi phí quản lý của Quỹ đến cuối năm không sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định.

Điều 21. Quản lý tài chính, tài sản của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, chuẩn y kế hoạch tài chính và xét duyệt quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ.

2. Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý về tình hình tài sản, tài chính của Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, nguồn thu, các định mức chi tiêu của Quỹ theo đúng nghị quyết của Hội

đồng quản lý Quỹ trên cơ sở nhiệm vụ hoạt động đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; không được sử dụng tài sản, tài chính Quỹ vào các hoạt động khác ngoài tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

4. Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc quỹ có trách nhiệm công khai tình hình tài sản, tài chính Quỹ hàng năm theo các nội dung sau:

a) Danh sách, số tiền, hiện vật đóng góp, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân cho Quỹ;

b) Danh sách, số tiền, hiện vật tổ chức, cá nhân được nhận từ Quỹ, công khai kết quả sử dụng và quyết toán thu, chi từng khoản đóng góp;

c) Báo cáo tình hình tài sản, tài chính và quyết toán quý, năm của Quỹ theo từng nội dung thu, chi theo Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

5. Đối với các khoản chi theo từng đợt vận động, việc báo cáo được thực hiện theo quy định hiện hành về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam và người khuyết tật khắc phục khó khăn.

6. Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán Quỹ và kết luận của kiểm toán (nếu có) hàng năm theo quy định hiện hành.

Điều 22. Xử lý tài sản của Quỹ khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, tạm đình chỉ và giải thể

1. Trường hợp Quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thì toàn bộ tiền, tài sản của quỹ phải được tiến hành kiểm kê và có biên bản kiểm kê trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách; tuyệt đối không được phân chia tài sản của Quỹ. Tiền và tài sản của Quỹ mới được sáp nhập, hợp nhất, chia, tách phải bằng với tổng số tiền và tài sản của Quỹ trước khi sáp nhập, hợp nhất. Tổng số tiền và tài sản của các Quỹ mới được sáp nhập, hợp nhất phải bằng với tổng số tiền và tài sản của quỹ trước khi sáp nhập, hợp nhất.

Tổng số tiền và tài sản của Quỹ mới được chia, tách phải bằng với tổng số tiền và tài sản của Quỹ trước khi chia, tách.

2. Trường hợp Quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động thì toàn bộ tiền và tài sản của Quỹ phải được kiểm kê và giữ nguyên hiện trạng tài sản. Trong thời gian bị tạm đình chỉ hoạt động, Quỹ chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ máy đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Trường hợp Quỹ bị giải thể, không được phân chia tài sản của Quỹ, việc bán, thanh lý tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập sở hữu của nhà nước và Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 137/2006/NĐ-CP.

4. Toàn bộ số tiền hiện có của Quỹ và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của Quỹ được sử dụng vào việc thanh toán các khoản nợ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Tiền lương, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế và các khoản phải trả khác.

5. Sau khi thanh toán các khoản nợ và chi phí giải thể, số tiền và tài sản còn lại của Quỹ được nộp vào ngân sách tỉnh.

Chương VI

HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 23. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định giải thể Quỹ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

Những tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất da cam thuộc Hội Chữ thập đỏ tỉnh sẽ được Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Kỷ luật

Những người làm việc tại Quỹ vi phạm quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được trên ½ thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định công nhận mới có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh có 08 Chương, 28 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định công nhận.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Điều lệ Quỹ đã được công nhận, Hội đồng quản lý Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.